

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2017/DS-ST**

Ngày: 09- 8- 2017
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 07/2017/TB-TĐTGMPT ngày 11/7/2017, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 09/2017/TB-TĐTGMPT ngày 12/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T P, xã Đ T, huyện A M - Kiên Giang.

2. Đồng bị đơn: - Bà Bùi Thị D, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Ông Phạm Văn V, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T T A, xã Đ T, huyện A M - KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày và yêu cầu như sau:**

Vào 2012 al tôi có mở hụi và vợ chồng bà Bùi Thị D, ông Phạm Văn V có tham gia góp hụi, đến ngày 15.3.2015 đôi bên cộng sổ nợ hụi, bà D, ông V thừa

nhận còn nợ tôi 11.000.000 đồng, sau đó bà D có trả cho tôi 6.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng bà D, ông V trả cho tôi 5.000.000 đồng, trả một lần vào ngày 11.6.2017, ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 bị đơn bà Bùi Thị D trình bày như sau:**

Vào 2012 al tôi có tham gia góp hụi do bà L làm chủ hụi, tính đến nay vợ chồng tôi còn nợ bà L 5.000.000 đồng chưa trả.

Theo yêu cầu của bà L tôi có ý kiến như sau:

Tôi đồng ý trả cho bà L 5.000.000 đồng, trả một lần, vào ngày 16/01/2018

*** Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 bị đơn ông Phạm Văn V trình bày như sau:**

Nội dung bà L trình bày ở phía trên là đúng. Vào 2012 al tôi có tham gia góp hụi do bà L làm chủ hụi, tính đến nay vợ chồng tôi còn nợ bà L 5.000.000 đồng chưa trả.

Theo yêu cầu của bà L tôi có ý kiến như sau:

Tôi đồng ý trả cho bà L 5.000.000đ, trả một lần, vào ngày 16/01/2018

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn ông V, bà D trả 5.000.000đ tiền hụi một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 09/8/2017. Bị đơn ông V đồng ý trả cho bà L 5.000.000đ, hẹn đến tháng 11/2017 trả đủ một lần; đồng bị đơn bà Bùi Thị D vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng ông V, bà D vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông V, bà D nhưng bà D vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa giữa nguyên đơn bà Đặng Thị L và bị đơn ông Phạm Văn

V cùng thống nhất xác định và thừa nhận năm 2012 bà L làm chủ đây hội 2.000.000 đồng, khi đó vợ chồng ông V, bà D tham gia 01 phần và đã lĩnh hội. Ngày 15/3/2015 giữa hai bên tính toán với nhau ông V, bà D còn nợ bà L 11.000.000 đồng. Từ tháng 3 đến tháng 5/2015 ông V, bà D có trả cho bà L 6.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng đến nay chưa trả. Tại phiên tòa nguyên đơn bà L và bị đơn ông V cùng thống nhất xác định, hiện nay ông V, bà D còn nợ bà L 5.000.000 đồng tiền hội đồng thời ông V thống nhất cùng với bà D trả cho bà L 5.000.000 đồng, Tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2017 bị đơn bà Bùi Thị D thừa nhận và thống nhất trả cho bà L 5.000.000 đồng, trả một lần, vào ngày 16/01/2018, nên được xác định mối quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự góp hội.

[3] Về phương thức và thời gian trả nợ: Mặc dù giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông V, bà D thống nhất xác định được với nhau về số lượng tiền hội mà ông V, bà D còn nợ bà L là 5.000.000đ, nhưng các bên không thống nhất với nhau về thời gian trả nợ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận mà áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 401, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biếu, phường, buộc bị đơn vợ chồng ông V, bà D trả nợ cho nguyên đơn bà L theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Vợ chồng ông V, bà D bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Đặng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 401, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biếu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng thị L. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Bùi Thị D trả cho bà Đặng Thị L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền hội.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của

Tòa án. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Đặng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000277 ngày 05/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A M.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Báo quyền kháng: Nguyên đơn bà Đặng Thị L, bị đơn ông Phạm Văn V có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/8/2017). Bà Bùi Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

